HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68 /2023/NQ-HĐND	*Lai Châu, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 4336/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 596/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh.

b) Các nội dung hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

c) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã.

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 2. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc ***(viết tắt là người cai nghiện bắt buộc)***

1. Hỗ trợ tiền ăn: Mức hỗ trợ bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. Ngày lễ, Tết dương lịch được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên đán được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ tiền ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cho người cai nghiện: Mức hỗ trợ bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

3. Hỗ trợ tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động: Mức hỗ trợ 130.000 đồng/người/năm.

4. Hỗ trợ tiền ăn khi đi đường, quần áo đối với người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú.

a) Hỗ trợ tiền ăn khi đi đường

Đối với người cai nghiện bắt buộc đi từ cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh *(Thành phố Lai Châu)* đến nơi thường trú *(xã, phường, thị trấn)* có khoảng cách từ 15 km đến 100km, được tính 01 ngày đi đường, mức hỗ trợ 100.000 đồng/người.

Đối với người cai nghiện bắt buộc đi từ cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh *(Thành phố Lai Châu)* đến nơi thường trú *(xã, phường, thị trấn)* có khoảng cách trên 100km, được tính 02 ngày đi đường, mức hỗ trợ 200.000 đồng/người.

b) Hỗ trợ quần áo: Cấp 01 bộ quần áo thường, mức hỗ trợ tối đa không quá 400.000 đồng/bộ quần áo.

Điều 3. Điều kiện, thời gian, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

1. Điều kiện hỗ trợ: Người nghiện ma túy có nơi thường trú tại tỉnh Lai Châu tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện lần đầu tại cơ sở cai nghiện ma túy.

2. Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 12 tháng.

3. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền ăn bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

b) Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

c) Hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy.

d) Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy, thuốc chữa bệnh thông thường và vật tư y tế. Nội dung, mức chi theo quy định tại khoản 2 và điểm b, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

đ) Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện bằng 1,0 mức lương cơ sở hiện hành đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 5. Mức hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; người được giao nhiệm vụ quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Hỗ trợ thù lao hàng tháng bằng 0,5 mức lương cơ sở hiện hành đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người được giao nhiệm vụ quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thời gian được tính hỗ trợ là thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 7. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 37/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Giàng Páo Mỷ